



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC
Group Holdings và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0315744468 ngày 20 tháng 6 năm 2019
0315744468 (điều chỉnh lần 12) ngày 13 tháng 2 năm 2026

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (trước ngày 1 tháng 3 năm 2025) và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Bá Thành	Chủ tịch
Ông Đào Văn Kính	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Khải	Thành viên
Ông Thng Tien Tat	Thành viên
Ông Ngô Thế Triệu	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 1 năm 2026)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Kính	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 13 tháng 2 năm 2026)
Ông Đinh Bá Thành	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 12 tháng 2 năm 2026)
Ông Hoàng Trọng Khải	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 17 tháng 1 năm 2026)

**Người đại diện
theo Pháp luật**

Ông Đào Văn Kính	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 13 tháng 2 năm 2026)
Ông Đinh Bá Thành	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 12 tháng 2 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Ngô Thế Triệu	Chủ tịch
	(từ ngày 17 tháng 1 năm 2026)
Ông Hoàng Trọng Khải	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 1 năm 2026)

Trụ sở đăng ký

Số 222 Đường Pasteur
Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không thực hiện soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như các thuyết minh liên quan và do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận đối với các thông tin này. ✓

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00353-26-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2026



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.059.433.378.222	1.858.625.021.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	258.358.552.086	398.422.633.515
Tiền	111		211.458.552.086	209.300.633.515
Các khoản tương đương tiền	112		46.900.000.000	189.122.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		997.684.886.983	546.061.062.334
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11(a)	997.684.886.983	546.061.062.334
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		740.519.663.031	880.748.090.298
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	641.516.157.014	736.454.135.408
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	48.249.588.177	30.518.891.195
Phải thu ngắn hạn khác	135	14(a)	57.974.495.793	120.995.641.648
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	15	(7.220.577.953)	(7.220.577.953)
Hàng tồn kho	140	16	33.933.745.875	13.528.893.730
Hàng tồn kho	141		33.933.745.875	13.528.893.730
Tài sản ngắn hạn khác	160		28.936.530.247	19.864.341.210
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	20(a)	13.375.079.371	12.147.161.447
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		15.478.889.244	5.834.891.348
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163		82.561.632	1.882.288.415

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		125.922.724.628	47.113.314.249
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.255.721.512	21.731.721.511
Phải thu dài hạn khác	215	14(b)	1.255.721.512	21.731.721.511
Tài sản cố định	220		4.977.059.229	6.208.694.237
Tài sản cố định hữu hình	221	17	3.962.123.827	5.182.944.056
Nguyên giá	222		43.124.810.164	42.998.966.644
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.162.686.337)	(37.816.022.588)
Tài sản cố định vô hình	227	18	1.014.935.402	1.025.750.181
Nguyên giá	228		9.295.117.427	9.148.322.983
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.280.182.025)	(8.122.572.802)
Tài sản dở dang dài hạn	250		93.305.346.000	305.346.000
Xây dựng cơ bản dở dang	252	19	93.305.346.000	305.346.000
Đầu tư tài chính dài hạn	260		693.402.000	693.402.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	11(b)	693.402.000	693.402.000
Tài sản dài hạn khác	270		25.691.195.887	18.174.150.501
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20(b)	12.278.632.430	6.522.603.806
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	21	13.412.563.457	11.651.546.695
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.185.356.102.850	1.905.738.335.336

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

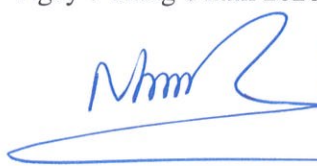
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.036.735.352.214	987.148.997.995
Nợ ngắn hạn	310		1.034.167.759.514	982.495.834.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	146.475.868.697	266.852.093.723
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.723.498.621	1.895.272.554
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.463.017.158	3.422.546.091
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	43.040.156.777	63.727.253.547
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	24	282.793.709.996	189.279.798.136
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	25	37.668.560.805	55.479.579.485
Phải trả ngắn hạn khác	320	26	19.028.576.276	18.400.518.208
Vay ngắn hạn	321	27	490.974.371.184	383.438.772.486
Nợ dài hạn	330		2.567.592.700	4.653.163.765
Phải trả dài hạn khác	338		-	9.835.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343		2.567.592.700	4.643.328.765
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	1.148.620.750.636	918.589.337.341
Vốn cổ phần	411	29	1.002.680.000.000	772.451.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.002.680.000.000	772.451.640.000
Thặng dư vốn	412		(13.169.625.555)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		216.799.560	216.799.560
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	420		148.603.261.818	138.221.830.172
- LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	420a		17.600.242.143	(70.955.791.652)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	420b		131.003.019.675	209.177.621.824
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.290.314.813	7.699.067.609
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.185.356.102.850	1.905.738.335.336

Ngày 7 tháng 8 năm 2026


 Trương Thị An
 Người lập


 Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
 Kế toán trưởng


 Đào Văn Kính
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Chưa soát xét)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.388.083.054.192	1.609.994.423.312
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	21.588.893.071	6.034.341.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.366.494.161.121	1.603.960.081.856
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	1.076.348.443.694	1.355.523.658.969
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		290.145.717.427	248.436.422.887
Doanh thu hoạt động tài chính	22	33	29.270.323.763	15.498.388.715
Chi phí tài chính	23	34	13.805.202.831	8.856.417.702
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		<i>13.509.596.391</i>	<i>8.220.586.451</i>
Chi phí bán hàng	25	35	6.111.915.412	33.468.162.281
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	130.823.760.956	166.489.057.659
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		168.675.161.991	55.121.173.960
Thu nhập khác	31		1.929.071.224	2.642.169.006
Chi phí khác	32		1.962.011.954	1.283.785.177
(Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(32.940.730)	1.358.383.829
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		168.642.221.261	56.479.557.789
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	35.569.570.561	33.084.610.475
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	38	(1.761.016.762)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		134.833.667.462	23.394.947.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Chưa soát xét)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		134.833.667.462	23.394.947.314
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		131.003.019.675	25.390.629.550
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.830.647.787	(1.995.682.236)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.315	166

Ngày 7 tháng 8 năm 2026


Trương Thị An
Người lập


Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
Kế toán trưởng



Đào Văn Kính
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND		30/6/2025 VND (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		168.642.221.261	56.479.557.789	
Khấu hao tài sản cố định	02		1.581.193.342	27.472.127.111	
Các khoản dự phòng	03		-	(1.497.262.960)	
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.902.295	-	
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(28.665.861.291)	(12.474.857.827)	
Chi phí đi vay	06		13.509.596.391	8.220.586.451	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		155.073.051.998	78.200.150.564	
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		40.150.505.638	160.609.084.125	
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(20.404.852.145)	(21.113.740.952)	
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		(46.517.335.785)	28.921.287.125	
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12		(6.983.946.548)	10.233.117.370	
			121.317.423.158	256.849.898.232	
Chi phí đi vay đã trả	14		(9.789.592.881)	(8.095.432.414)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(47.078.343.759)	(65.335.091.126)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.075.736.065)	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.373.750.453	183.419.374.692	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

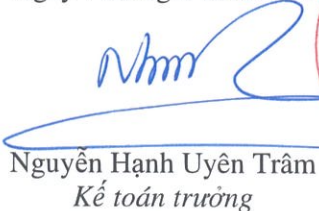
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(42.584.160.185)	(7.658.524.144)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		208.240.741	-
Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(864.782.000.000)	(369.705.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		422.360.000.000	104.411.208.344
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		51.189.999.999	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.010.084.488	10.418.400.952
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(403.597.834.957)	(262.533.914.848)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		96.830.374.445	13.704.612.000
Tiền thu từ đi vay	33		744.541.342.717	652.838.078.121
Tiền trả nợ gốc vay	34		(637.005.744.019)	(587.885.231.230)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.198.929.516)	(117.115.304.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		201.167.043.627	(38.457.845.973)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(140.057.040.877)	(117.572.386.129)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		398.422.633.515	474.044.554.258
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.040.552)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	258.358.552.086	356.472.168.129


Trương Thị An
Người lập

Ngày 7 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
Kế toán trưởng


Đào Văn Kính
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp và 9 công ty con sở hữu gián tiếp (1/1/2026: 3 công ty con sở hữu trực tiếp và 9 công ty con sở hữu gián tiếp), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	30/6/2026		1/1/2026	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment (“DVMEG”)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính – kế toán), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	99%	99%	99%	99%
2	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Ventures (“DVDV”)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	99%	99%
3	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Media (“DVVM”)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	99%	99%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	30/6/2026 % sở hữu	1/1/2026 % quyền sở hữu	biểu quyết	1/1/2026 % quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty Cổ phần Dong Tay Promotion ("DTP") (i)	Cung cấp quảng cáo thương mại, quảng cáo ngoài trời và quảng cáo qua các phương tiện truyền thông, cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	98,01%	99%	98,01%	99%
2	Công ty Cổ phần VIE CHANNEL ("VIE CHANNEL") (i)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; cung cấp dịch vụ hậu kỳ, tổ chức các hoạt động giới thiệu và xúc tiến thương mại; và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	98,01%	99%	98,01%	99%
3	Công ty Cổ phần Nomad Management Vietnam ("NOM") (i)	Cung ứng diễn viên, người mẫu và lao động các ngành nghệ thuật, tổ chức sự kiện, giới thiệu và xúc tiến thương mại.	98,01%	99%	98,01%	99%
4	Công ty Cổ phần Vie Network ("VIE Network") (i)	Sản xuất phần mềm; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình; hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc; hoạt động viễn thông; hoạt động công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan; công thông tin; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính; hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	98,01%	99%	98,01%	99%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	30/6/2026		1/1/2026	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
5	Công ty Cổ phần Vie IP ("VIE IP") (i)	Tổ chức các hoạt động giới thiệu và xúc tiến thương mại bằng việc bán hàng hóa thương hiệu, bao gồm các sản phẩm như áo thun, mũ, nhãn dán, móc khóa; cung cấp dịch vụ bản quyền tác giả, tác phẩm, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	98,98%	99,98%	98,98%	99,98%
6	Công ty Cổ phần Dat Viet Media ("DVM") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá) và dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	98,01%	99%	98,01%	99%
7	Công ty Cổ phần TKL ("TKL") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo thương mại và quảng cáo trên màn hình.	98,01%	99%	98,01%	99%
8	Công ty Cổ phần Dat Viet OOH ("OOH") (ii)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim), hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình và dịch vụ bản quyền tác giả.	98,01%	99%	98,01%	99%
9	Công ty TNHH Tiếp thị và Quảng cáo Đất Việt VAC ("DDB") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị và kinh doanh thương mại.	98,50%	100%	98,50%	100%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty con sở hữu gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment.
- (ii) Các công ty con sở hữu gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Media.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 561 nhân viên (1/1/2026: 625 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh số 4(l)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngoại trừ những thay đổi trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 4(b), Thuyết minh số 4(d)(i) và Thuyết minh số 4(l), những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất. ✓

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá mua bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ✓

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Khoản phải thu về cho vay không được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” mà được trình bày riêng tại khoản mục “Phải thu về cho vay”.

Phải thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Khoản phải thu về cho vay và phải thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán này, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được trình bày lại (Thuyết minh 41). ✓

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho gồm các loại sau:

(i) Bản quyền chương trình và phim được mua

Bản quyền chương trình và phim được mua phản ánh chi phí mua cho một khoảng thời gian phát sóng nhất định và được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá mua tại thời điểm nhận được nội dung chương trình và phim từ các đối tác và nhà cung cấp.

(ii) Phim sản xuất

Các phim đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh chi phí trực tiếp phát sinh để hoàn thành bộ phim.

(iii) Thời lượng quảng cáo

Thời lượng quảng cáo dưới hình thức điện tử hay in ấn thể hiện thời lượng được mua hoặc nhận do ưu đãi từ các chủ sở hữu truyền thông nhưng chưa được phát sóng hoặc đăng báo tại ngày báo cáo. Giao dịch trao đổi được xác định theo giá trị thị trường của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được. Giá trị thị trường được xác định bằng các thỏa thuận được thực hiện với các khách hàng khác cho cùng loại giao dịch.

(iv) Chương trình sản xuất

Các chương trình đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh chi phí sản xuất hoặc chi phí mua các chương trình trò chơi chưa phát sóng.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập để bù đắp cho khoản lỗ ước tính phát sinh do giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, dựa trên bằng chứng thích hợp về việc giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 7 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc dưới hình thức chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tư vấn triển khai SAP;
- Công cụ và dụng cụ; ✓
- Chi phí vận hành kênh; và
- Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu.

(i) Chi phí tư vấn triển khai SAP

Chi phí tư vấn triển khai SAP được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(iii) Chi phí vận hành kênh

Chi phí vận hành kênh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(iv) Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu

Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(l) Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Phải trả cổ tức được bao gồm trong khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Phải trả cổ tức được trình bày riêng tại khoản mục “Phải trả cổ tức, lợi nhuận”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán này, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được trình bày lại (Thuyết minh 41).

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn

Khi nhận vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn thuộc vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản nhận được hoặc phải thu, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các tiêu chí ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu mảng nội dung

Mảng nội dung do Tập đoàn quản lý, vận hành theo mô hình sản xuất chương trình, phân phối nội dung và quản lý quan hệ với các đối tác chủ chốt như nhãn hàng tài trợ và nghệ sĩ. Doanh thu mảng nội dung được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu mảng nội dung bao gồm:

Doanh thu bán chương trình sản xuất

Doanh thu bán chương trình sản xuất được ghi nhận tại thời điểm chương trình được thực hiện theo hợp đồng và được xác định tại thời điểm phát sóng.

Giao dịch trao đổi đòi hỏi phải trao đổi các chương trình truyền hình để lấy các điểm truyền thông trên các đài truyền hình (hàng hóa hoặc dịch vụ không tương đương). Giao dịch trao đổi được ghi nhận theo giá trị thị trường của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được, theo đó, giá trị thị trường được xác định bằng các thỏa thuận được thực hiện với các khách hàng khác cho cùng loại giao dịch. Doanh thu từ giao dịch trao đổi hàng hóa được ghi nhận khi các chương trình tương ứng được phát sóng.

Doanh thu bán bản quyền chương trình

Doanh thu bán bản quyền chương trình được ghi nhận vào thời điểm bản quyền chương trình được khách hàng tiếp nhận và đồng ý.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Doanh thu nhận tài trợ sản xuất các trò chơi truyền hình

Tập đoàn ký kết các thỏa thuận với khách hàng về việc nhận tài trợ sản xuất các chương trình truyền hình để đổi lấy việc đặt tên thương hiệu hoặc sản phẩm của khách hàng trong thời gian phát sóng các chương trình được tài trợ. Doanh thu nhận tài trợ được ghi nhận khi chương trình truyền hình được phát sóng theo các điều khoản trong hợp đồng.

Doanh thu quản lý nghệ sĩ

Doanh thu quản lý nghệ sĩ, thường được lấy từ hoa hồng và phí tư vấn cho dịch vụ quản lý và khai thác thương mại nghệ sĩ, được ghi nhận theo các điều khoản về thỏa thuận hợp đồng.

(ii) *Doanh thu mảng dịch vụ truyền thông*

Mảng dịch vụ truyền thông do Tập đoàn quản lý, vận hành theo mô hình đại lý quảng cáo. Bản chất hoạt động mang tính chất tư vấn và trung gian phân phối.

Doanh thu mảng dịch vụ truyền thông bao gồm:

Doanh thu bán thời lượng quảng cáo

Doanh thu bán thời lượng quảng cáo được ghi nhận khi các dịch vụ này được thực hiện và được xác định tại thời điểm phát sóng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu hoa hồng đại lý

Doanh thu hoa hồng đại lý, thường thu được từ hoa hồng và phí tư vấn cho dịch vụ quảng cáo được ghi nhận theo các điều khoản về thỏa thuận hợp đồng.

(iii) *Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm:

Doanh thu bán phim sản xuất

Doanh thu bán phim sản xuất được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bản quyền nội dung phát sóng được chuyển giao cho người mua.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Doanh thu bán bản quyền phim

Doanh thu bán bản quyền phim được ghi nhận vào thời điểm bản quyền phim được khách hàng tiếp nhận và đồng ý.

Doanh thu bán phim cho nhà phân phối

Doanh thu được ghi nhận khi giao nội dung phim cho nhà phân phối, tương ứng với thời điểm hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. Sau đó, các nhà phân phối chịu hoàn toàn trách nhiệm bán phim và Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác.

Doanh thu bán phim cho các nhà đài truyền hình

Doanh thu bán phim cho các nhà đài truyền hình được ghi nhận khi các đài truyền hình phát sóng phim tương ứng với thời điểm hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. Phim chỉ được phát sóng sau khi được các đài truyền hình biên tập và phê duyệt nội dung, phù hợp với thời điểm phát sóng của phim. Các đài truyền hình sau đó sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các bộ phim và Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác.

Doanh thu nhận tài trợ sản xuất phim

Tập đoàn ký kết thỏa thuận với các nhà tài trợ để sử dụng sản phẩm làm quảng cáo trong các cảnh quay của phim. Thỏa thuận hợp đồng nêu rõ (i) Tập đoàn phải gửi những bộ phim có đầy đủ thời lượng quảng cáo đã thỏa thuận cho nhà tài trợ để xem xét và chấp thuận hoặc (ii) nhà tài trợ xác nhận rằng lịch phát sóng của nhà đài đã đủ.

Doanh thu nhận tài trợ được ghi nhận sớm hơn khi (i) nhà tài trợ chấp nhận thực hiện nghĩa vụ hoặc (ii) khi phim được phát sóng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

(iv) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(v) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. ✓

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước. ✓

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chịu ảnh hưởng nhất định bởi yếu tố thời vụ, phù hợp với đặc thù của ngành truyền thông – giải trí và chu kỳ phân bổ ngân sách quảng cáo của khách hàng cũng như hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng. Theo đó, doanh thu từ các hoạt động tài trợ chương trình, cung cấp dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện giải trí, kinh doanh các sản phẩm gắn với nội dung và một phần doanh thu từ các nền tảng số thường có xu hướng ghi nhận cao hơn trong nửa cuối năm, đặc biệt vào các giai đoạn cao điểm như mùa lễ hội, Tết và các chiến dịch mua sắm lớn.

Do đó, doanh thu và kết quả kinh doanh của Tập đoàn có thể được phân bổ không đồng đều giữa 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tác động của yếu tố thời vụ đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được giảm thiểu nhờ chiến lược đa dạng hóa nguồn doanh thu và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh trực tiếp đến người tiêu dùng.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty và công ty con thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. ✓

Không có thay đổi đáng kể trọng yếu nào trong ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này so với ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào có ảnh hưởng trọng yếu đến tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần hoặc dòng tiền của Tập đoàn kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

9. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Mạng nội dung
- Mạng dịch vụ truyền thông
- Mạng dịch vụ khác

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Mãng nội dung VND	Mãng dịch vụ truyền thông VND	Mãng dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	609.481.510.708	755.872.321.304	1.140.329.109	-	1.366.494.161.121
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	77.939.775.589	7.189.316.135	48.359.978.406	(133.489.070.130)	-
	687.421.286.297	763.061.637.439	49.500.307.515	(133.489.070.130)	1.366.494.161.121
Tổng doanh thu thuần của bộ phận					
Kết quả kinh doanh của bộ phận	154.249.345.714	43.081.215.991	1.140.329.109	-	198.470.890.814
Chi phí không phân bổ					(45.260.849.755)
Doanh thu hoạt động tài chính					29.270.323.763
Chi phí tài chính					(13.805.202.831)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					168.675.161.991
Thu nhập khác					1.929.071.224
Chi phí khác					(1.962.011.954)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(33.808.553.799)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					134.833.667.462

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Chưa soát xét)	Mãng nội dung VND	Mãng dịch vụ truyền thông VND	Mãng dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	601.048.410.339	831.655.857.494	171.255.814.023	-	1.603.960.081.856
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	82.369.200.319	31.070.963.231	124.098.865.739	(237.539.029.289)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	683.417.610.658	862.726.820.725	295.354.679.762	(237.539.029.289)	1.603.960.081.856
Kết quả kinh doanh của bộ phận	165.932.273.350	30.099.184.863	(91.298.691.793)	-	104.732.766.420
Chi phí không phân bổ					(56.253.563.473)
Doanh thu hoạt động tài chính					15.498.388.715
Chi phí tài chính					(8.856.417.702)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					55.121.173.960
Thu nhập khác					2.642.169.006
Chi phí khác					(1.283.785.177)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(33.084.610.475)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					23.394.947.314

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	Mảng nội dung VND	Mảng dịch vụ truyền thông VND	Mảng dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	876.296.456.087 -	850.815.625.136 -	642.362.254.202 -	(233.474.504.268) -	2.135.999.831.157 49.356.271.693
Tổng tài sản	876.296.456.087	850.815.625.136	642.362.254.202	(233.474.504.268)	2.185.356.102.850
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	445.066.873.428 -	812.825.184.499 -	8.033.380.479 -	(233.220.696.050) -	1.032.704.742.356 4.030.609.858
Tổng nợ phải trả	445.066.873.428	812.825.184.499	8.033.380.479	(233.220.696.050)	1.036.735.352.214
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Chi tiêu vốn	42.545.734.259	38.425.926	-	-	42.584.160.185
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.286.563.836	-	137.020.283	-	1.423.584.119
Khấu hao tài sản cố định vô hình	157.609.223	-	-	-	157.609.223

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	Mãng nội dung VND	Mãng dịch vụ truyền thông VND	Mãng dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	918.157.048.526	690.457.842.096	311.291.824.062	(67.411.416.617)	1.852.495.298.067
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	53.243.037.269
Tổng tài sản	918.157.048.526	690.457.842.096	311.291.824.062	(67.411.416.617)	1.905.738.335.336
Nợ phải trả của bộ phận	370.544.813.995	659.253.561.023	16.686.329.738	(67.411.416.617)	979.073.288.139
Các khoản nợ không phân bổ	-	-	-	-	8.075.709.856
Tổng nợ phải trả	370.544.813.995	659.253.561.023	16.686.329.738	(67.411.416.617)	987.148.997.995
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Chưa soát xét)					
Chi tiêu vốn	1.408.936.952	-	6.249.587.192	-	7.658.524.144
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.911.271.501	-	1.779.726.334	-	3.690.997.835
Khấu hao tài sản cố định vô hình	116.794.534	-	23.664.334.742	-	23.781.129.276

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam. Vì vậy, Ban Giám đốc xác định Tập đoàn không có thông tin trọng yếu cần trình bày riêng theo từng vùng địa lý.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	4.819.324.263	5.140.118.233
Tiền gửi ngân hàng (i)	206.639.227.823	204.160.515.282
Các khoản tương đương tiền (ii)	46.900.000.000	189.122.000.000
	258.358.552.086	398.422.633.515

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng tại:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	81.864.613.727	93.698.234.774
▪ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	33.732.426.081	42.015.648.426
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	45.620.293.885	39.018.939.004
▪ Ngân hàng TNHH Một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam)	30.262.136.446	735.571.084
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	13.000.301.309	28.600.065.233
▪ Các ngân hàng khác	2.159.456.375	92.056.761
	206.639.227.823	204.160.515.282

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Kỳ hạn gốc	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	1 tháng	4,75%	31.000.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	2 tháng	4,75%	10.000.000.000	27.000.000.000
Các ngân hàng khác	1 – 2 tháng	4,75%	5.900.000.000	117.122.000.000
			46.900.000.000	189.122.000.000

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND (Phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	997.494.196.572	997.494.196.572	-	480.558.404.525	480.558.404.525	-
▪ Phải thu về cho vay (ii)	190.690.411	190.690.411	-	65.502.657.809	65.502.657.809	-
	997.684.886.983	997.684.886.983	-	546.061.062.334	546.061.062.334	-

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

Tiền gửi có kỳ hạn tại:	Kỳ hạn gốc	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	6 tháng	7,70%	100.000.000.000	120.000.000.000
▪ Các ngân hàng khác	6 – 8 tháng	6,00% - 8,50%	883.182.000.000	356.160.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			14.312.196.572	4.398.404.525
			997.494.196.572	480.558.404.525

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau:

- Cho vay bên liên quan:
- Công ty Cổ phần AI ACTIV
 - Công ty Cổ phần VieOn
- Lãi dự thu cho vay

Kỳ hạn gốc	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
5 tháng	4,7% - 8,0%	-	51.600.000.000
3 tháng	4,7% - 8,0%	-	13.000.000.000
		190.690.411	902.657.809
		190.690.411	65.502.657.809



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	693.402.000	693.402.000

(i) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/6/2026			1/1/2026		
Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cung cấp dịch vụ quảng cáo và tiếp thị thương mại	10,00%	420.000.000	-	10,00%	420.000.000	-
Dịch vụ quảng cáo	0,90%	273.402.000	-	0,90%	273.402.000	-
		693.402.000	-		693.402.000	-

Công ty TNHH DDB Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vie Board

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Truyền thông WPP	47.633.469.020	-	44.875.514.829	-
Công ty Cổ Phần Truyền thông HK Group	41.891.222.233	-	27.735.228.645	-
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	30.928.572.383	-	133.599.954.904	-
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	19.704.597.788	-	45.748.986.640	-
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	3.182.687.133	-	17.537.030.732	-
Công ty Cổ phần VieON	2.841.853.724	-	54.203.632.317	-
Các khách hàng khác	495.333.754.733	(7.220.577.953)	412.753.787.341	(7.220.577.953)
	641.516.157.014	(7.220.577.953)	736.454.135.408	(7.220.577.953)

Bao gồm trong khoản phải thu của khách hàng có khoản phải thu có giá trị ghi sổ 630.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 630.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay được cấp cho các công ty trong Tập đoàn (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần VieON	2.841.853.724	-	54.203.632.317	-
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	3.182.687.133	-	17.537.030.732	-
Công ty Cổ phần Vie Shop	10.169.106	-	-	-
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Ventures	864.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vie Digital	-	-	5.597.645.609	-
Công ty Cổ phần AI ACTIV	-	-	1.975.539.867	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

13. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trung tâm Dịch vụ Truyền hình – Thành phố Hồ Chí Minh	31.165.415.614	16.599.126.668
Đài Phát thanh và Truyền hình Thành Phố Hồ Chí Minh	16.000.000.000	-
Đài Truyền hình và Phát thanh Vĩnh Long	-	9.821.494.922
Các nhà cung cấp khác	1.084.172.563	4.098.269.605
	48.249.588.177	30.518.891.195

14. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Phải thu về chiết khấu doanh số	49.817.675.198	-	10.549.002.962	-
Ký quỹ, ký cược (i)	761.416.023	-	52.635.268.754	-
Phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	30.714.000.000	-
Phải thu cổ tức	-	-	10.369.686.736	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	-	5.111.533.925	-
Phải thu khác	7.395.404.572	-	11.616.149.271	-
	57.974.495.793	-	120.995.641.648	-

- (i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoản ký quỹ, ký cược bao gồm số tiền 51.150.000.000 VND, là khoản đặt cọc cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Công ty Cổ phần Vie Studio, một bên liên quan. Trong kỳ, hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết và khoản đặt cọc này đã được căn trừ vào giá trị thanh toán của hợp đồng.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	20.475.999.999	-
Khác	1.255.721.512	-	1.255.721.512	-
	1.255.721.512	-	21.731.721.511	-

(c) Phải thu khác từ các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	1.498.335.163	-	-	-
Công ty Cổ phần VieOn	1.017.254.725	-	-	-
Công ty Cổ phần Vie Studio	-	-	51.150.000.000	-
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Holdings (i)	-	-	51.189.999.999	-
Công ty Cổ phần Vie Digital	-	-	10.369.686.736	-

- (i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Holdings liên quan đến chuyển nhượng công ty liên kết, không có tài sản đảm bảo, không tính lãi, và có thời hạn thu hồi trong năm 2026 và 2027. Khoản phải thu này đã được thu hồi toàn bộ trong kỳ.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi ngay khi được yêu cầu hoặc theo thời hạn thanh toán của hợp đồng liên quan.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

15. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	7.220.577.953	8.919.218.394
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	1.530.000.000
Số dư cuối kỳ	7.220.577.953	10.449.218.394

16. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chương trình sản xuất	28.756.964.153	-	9.408.899.730	-
Bản quyền chương trình và phim	3.017.600.000	-	1.765.200.000	-
Phim sản xuất	-	-	2.350.144.000	-
Thời lượng quảng cáo	-	-	4.650.000	-
Hàng hóa	2.159.181.722	-	-	-
	33.933.745.875	-	13.528.893.730	-

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.786.953.075	2.204.529.655	35.007.483.914	42.998.966.644
Phân loại lại	4.100.415.978	(745.690.909)	(3.354.725.069)	-
Tăng trong kỳ	72.791.667	-	514.574.074	587.365.741
Thanh lý	-	-	(461.522.221)	(461.522.221)
Số dư cuối kỳ	9.960.160.720	1.458.838.746	31.705.810.698	43.124.810.164
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	5.225.131.303	1.725.482.417	30.865.408.868	37.816.022.588
Phân loại lại	3.529.422.712	(307.166.970)	(3.222.255.742)	-
Khấu hao trong kỳ	482.994.578	40.523.299	900.066.242	1.423.584.119
Thanh lý	-	-	(76.920.370)	(76.920.370)
Số dư cuối kỳ	9.237.548.593	1.458.838.746	28.466.298.998	39.162.686.337
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	561.821.772	479.047.238	4.142.075.046	5.182.944.056
Số dư cuối kỳ	722.612.127	-	3.239.511.700	3.962.123.827

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 34.055 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 30.496 triệu VND).

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình chủ yếu theo giá trị còn lại đang được sử dụng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thiết bị lưu trữ, khay trượt, ổ đĩa cứng	562.135.669	633.897.669
Các tài sản cố định hữu hình khác	3.399.988.158	4.549.046.387 ✓
	3.962.123.827	5.182.944.056 ✓

18. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	9.148.322.983
Tăng trong kỳ	146.794.444
	9.295.117.427
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.122.572.802
Khấu hao trong kỳ	157.609.223
	8.280.182.025
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.025.750.181
Số dư cuối kỳ	1.014.935.402

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.057 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 8.047 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các tài sản cố định vô hình chủ yếu theo giá trị còn lại đang được sử dụng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sở hữu tên miền https://vieshop.vn/	904.839.569	1.015.636.251
Các tài sản cố định vô hình khác	110.095.833	10.113.930
	1.014.935.402	1.025.750.181

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	305.346.000	46.205.987.324
Tăng trong kỳ	93.000.000.000	6.013.232.647
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.151.823.867)
Số dư cuối kỳ	93.305.346.000	42.067.396.104

Các khoản mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phần mềm máy vi tính	305.346.000	305.346.000
Dự án phim trường công nghệ cao	93.000.000.000	-
	93.305.346.000	305.346.000

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí phần mềm	3.382.168.152	2.683.086.327
Công cụ và dụng cụ	816.398.539	714.800.665
Chi phí vận hành kênh	5.010.461.643	3.722.488.122
Chi phí khác	4.166.051.037	5.026.786.333
	13.375.079.371	12.147.161.447

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí tư vấn triển khai SAP	11.875.000.000	5.625.000.000
Chi phí vận hành kênh	-	366.032.483
Chi phí khác	403.632.430	531.571.323
	12.278.632.430	6.522.603.806

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
▪ Chi phí lãi vay vượt mức được khấu trừ	20%	6.931.660.547	6.931.660.547
▪ Lỗ tính thuế	20%	4.056.543.823	-
▪ Doanh thu chưa thực hiện và dự phòng	20%	2.424.359.087	4.719.886.148
		13.412.563.457	11.651.546.695

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

22. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Truyền thông ADT	24.409.589.781	13.596.753.862
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	13.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông AB	10.465.727.606	11.340.082.892
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	5.634.838.330	6.296.105.000
Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	4.794.261.704	6.358.584.400
Các nhà cung cấp khác	88.171.451.276	211.260.567.569
	146.475.868.697	266.852.093.723

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần VieON	5.526.224.938	3.584.377.112
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	3.560.730.807	10.920.350.143
Công ty Cổ phần AI ACTIV	3.076.642.205	5.341.542.611
Công ty Cổ phần Vie Digital	-	22.064.518.443

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cấn trừ/ phân loại lại trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.211.381.905	35.569.570.561	(47.078.343.759)	(1.068.973.979)	31.633.634.728
Thuế giá trị gia tăng	14.510.815.677	114.344.934.465	(20.618.772.309)	(102.019.024.807)	6.217.953.026
Thuế thu nhập cá nhân	4.979.272.468	20.727.634.232	(20.544.270.635)	-	5.162.636.065
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.307.858	650.229.030	(619.477.898)	(54.058.990)	-
Các loại thuế khác	2.475.639	6.500.000	(6.500.000)	23.457.319	25.932.958
	63.727.253.547	171.298.868.288	(88.867.364.601)	(103.118.600.457)	43.040.156.777

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí mời nghệ sĩ	132.320.569.776	129.027.856.758
Chi phí quảng cáo	61.255.243.751	-
Chiết khấu doanh số	40.860.219.114	22.517.491.005
Chi phí sản xuất chương trình	26.228.916.457	563.568.514
Chi phí lãi vay	4.694.144.379	974.140.869
Phí dịch vụ mua ngoài	880.874.841	5.048.991.146
Tiền thưởng cho nhân viên	-	25.427.696.698
Chi phí sản xuất phim	-	3.529.004.699
Chi phí phải trả khác	16.553.741.678	2.191.048.447
	282.793.709.996	189.279.798.136

25. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ:		
▪ Dịch vụ quảng cáo	11.568.742.319	28.471.020.791
▪ Nhận tài trợ sản xuất chương trình	8.545.659.394	-
▪ Dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh truyền hình	2.820.313.460	16.703.896.271
▪ Dịch vụ khác	14.733.845.632	10.304.662.423
	37.668.560.805	55.479.579.485

26. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6.136.318.378	6.907.643.601
Thưởng doanh số	6.218.354.820	-
Phải trả khác	6.673.903.078	11.492.874.607
	19.028.576.276	18.400.518.208

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

27. Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	383.438.772.486	744.541.342.717	(637.005.744.019)	490.974.371.184

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (i)	VND	6,5% - 7,1%	315.842.870.815	294.208.772.486
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank Việt Nam (Việt Nam) (ii)	VND	6,6% - 6,9%	142.000.000.000	89.230.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	VND	7,5 - 8,0%	33.131.500.369	-
			490.974.371.184	383.438.772.486

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này cấp cho Công ty Cổ phần Dong Tay Promotion, Công ty Cổ phần Dat Viet Media và Công ty Cổ phần TKL (“các công ty đi vay”) được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Công ty và các khoản phải thu của khách hàng của các công ty đi vay trị giá 330.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Công ty và khoản phải thu của khách hàng của các công ty đi vay trị giá 330.000 triệu VND) (Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay này cấp cho Công ty Cổ phần Dat Viet Media và Công ty Cổ phần TKL (“các công ty đi vay”), được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Công ty và các khoản phải thu của khách hàng của các công ty đi vay trị giá 300.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: thư bảo lãnh của Công ty và phải thu của khách hàng của các công ty đi vay trị giá 300.000 triệu VND) (Thuyết minh 12).
- (iii) Khoản vay này cấp cho Công ty Cổ phần VIE CHANNEL (“công ty đi vay”) được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Công ty và các khoản phải thu của khách hàng của công ty đi vay trị giá 65.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: Không) (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	653.291.450.000	243.314.409.330	162.621.350	88.478.612.495	34.097.666.617	1.019.344.759.792
Chia cổ tức bằng tiền (Chưa soát xét)	-	-	-	(196.867.196.237)	(3.084.226.059)	(199.951.422.296)
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát (Chưa soát xét)	-	292.530.000	-	-	13.412.082.000	13.704.612.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ (Chưa soát xét)	-	-	-	25.390.629.550	(1.995.682.236)	23.394.947.314
Giảm khác (Chưa soát xét)	-	-	-	(282.901.678)	-	(282.901.678)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Chưa soát xét)	653.291.450.000	243.606.939.330	162.621.350	(83.280.855.870)	42.429.840.322	856.209.995.132
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	772.451.640.000	-	216.799.560	138.221.830.172	7.699.067.609	918.589.337.341
Chia cổ tức bằng tiền của công ty con	-	-	-	-	(1.239.400.583)	(1.239.400.583)
Phát hành cổ phiếu phổ thông (i)	76.765.370.000	33.234.630.000	-	-	-	110.000.000.000
Phát hành cổ phiếu từ LNST và thặng dư vốn (ii)	153.462.990.000	(33.234.630.000)	-	(120.228.360.000)	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	-	(13.169.625.555)	-	-	-	(13.169.625.555)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	131.003.019.675	3.830.647.787	134.833.667.462
Giảm khác	-	-	-	(393.228.029)	-	(393.228.029)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	1.002.680.000.000	(13.169.625.555)	216.799.560	148.603.261.818	10.290.314.813	1.148.620.750.636



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2026/RE-GMS-DVGH ngày 16 tháng 1 năm 2026 của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động để tăng vốn cổ phần. Ngày 26 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 7.676.537 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2026/QĐ ngày 30 tháng 1 năm 2026 của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Ngày 13 tháng 2 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 15.346.299 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 153.462.990.000 VND và đã hoàn tất việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp phản ánh mức vốn điều lệ mới.

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2026	30/6/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu VND (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	77.245.164	772.451.640.000	65.329.145 653.291.450.000
Phát hành cổ phiếu phổ thông	7.676.537	76.765.370.000	- -
Phát hành cổ phiếu từ LNST và thặng dư vốn cổ phần	15.346.299	153.462.990.000	- -
Số dư cuối kỳ	100.268.000	1.002.680.000.000	65.329.145 653.291.450.000

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.227.200.000	28.165.200.000

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026	1/1/2026
			VND	VND
Thuê văn phòng	1	1 năm	26.227.200.000	28.165.200.000

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	40.776	1.071.990.418	758.524	19.847.330.614
JPY	108.901	17.663.742	109.034	22.251.659
GPB	100	3.482.648	100	3.112.211
EUR	11.175	335.376.597	100	3.035.800

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Tổng doanh thu		
▪ Mảng nội dung	611.286.939.243	602.974.704.962
▪ Mảng dịch vụ truyền thông	775.655.785.840	835.763.904.327
▪ Cung cấp dịch vụ khác	1.140.329.109	171.255.814.023
	1.388.083.054.192	1.609.994.423.312
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Mảng nội dung	(1.805.428.535)	(1.926.294.623)
▪ Mảng dịch vụ truyền thông	(19.783.464.536)	(4.108.046.833)
	(21.588.893.071)	(6.034.341.456)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.366.494.161.121	1.603.960.081.856

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Giá vốn mảng nội dung	393.013.942.530	383.158.758.097
Giá vốn mảng dịch vụ truyền thông	683.334.501.164	770.579.878.885
Giá vốn dịch vụ khác	-	201.785.021.987
	1.076.348.443.694	1.355.523.658.969

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	28.842.222.401	12.474.857.827
Lãi chênh lệch tỷ giá	428.101.362	3.023.530.888
	29.270.323.763	15.498.388.715

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí lãi vay	13.509.596.391	8.220.586.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá	295.606.440	635.831.251
	13.805.202.831	8.856.417.702

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.687.363.409	21.330.133.454
Chi phí nhân viên	2.240.486.710	12.138.028.827
Chi phí bán hàng khác	184.065.293	-
	6.111.915.412	33.468.162.281

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí nhân viên	94.250.724.021	119.676.762.607
Dịch vụ mua ngoài	17.004.465.398	19.644.830.320
Chi phí thuê	7.085.257.622	9.780.524.842
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.397.302.216	3.182.697.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.086.011.699	14.204.242.481
	130.823.760.956	166.489.057.659

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí nội dung phát sóng có bản quyền	790.125.451.604	869.760.436.955
Chi phí nhân viên	127.870.471.159	169.517.439.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.366.942.417	234.790.252.158
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.581.193.342	27.472.127.111
Chi phí khác	21.340.061.540	253.940.622.710
	1.213.284.120.062	1.555.480.878.909

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	35.569.570.561	33.084.610.475
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.761.016.762)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.808.553.799	33.084.610.475

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.642.221.261	56.479.557.789
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	33.728.444.252	11.295.911.558
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	21.788.698.917
Chi phí không được khấu trừ thuế	80.109.547	-
	33.808.553.799	33.084.610.475

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	131.003.019.675	25.390.629.550

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
		(Chưa soát xét)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	77.245.164	65.329.145
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ LNST và thặng dư vốn cổ phần trong năm 2025	-	72.730.017
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu phổ thông	7.040.360	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ LNST và thặng dư vốn cổ phần trong năm 2026	15.346.299	15.346.299
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	99.631.823	153.405.461

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
		(Chưa soát xét)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.315	166

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ của các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đinh Bá Thành <i>Từ ngày 13 tháng 2 năm 2026</i> <i>Đến ngày 12 tháng 2 năm 2026</i>	Cổ đông lớn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Cổ đông lớn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Kính <i>Từ ngày 13 tháng 2 năm 2026</i> <i>Đến ngày 12 tháng 2 năm 2026</i>	Cổ đông lớn, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Cổ đông lớn, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Khải <i>Từ ngày 18 tháng 1 năm 2026</i> <i>Đến ngày 17 tháng 1 năm 2026</i>	Thành viên Ủy ban Kiểm toán Cổ đông lớn, Phó Tổng Giám đốc
MET VM Holding Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
TC D-Media Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Ventures	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Thi Nam Phương	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Vie Studio	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần AI ACTIV	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần VieOn	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Vie Digital	Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
<i>Các cổ đông lớn</i>		
Ông Đinh Bá Thành		
Cổ tức công bố	-	93.502.246.235
Cổ tức đã trả	-	64.578.897.204
Ông Đào Văn Kính		
Cổ tức công bố	-	59.780.120.466
Cổ tức đã trả	-	41.288.471.907
Ông Hoàng Trọng Khải		
Cổ tức công bố	-	17.031.372.056
Cổ tức đã trả	-	9.892.656.098
MET VM Holding Pte. Ltd.		
Cổ tức công bố	-	26.553.457.480
Cổ tức đã trả	-	26.553.457.480
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Thi Nam Phương		
Chi phí thuê văn phòng	13.119.600.000	20.773.813.639
Công ty Cổ phần Vie Studio		
Chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	93.000.000.000	-
Công ty Cổ phần AI ACTIV		
Mua thời lượng quảng cáo	12.889.653.734	-
Thu hồi gốc cho vay	51.600.000.000	-
Thu hồi lãi cho vay	2.201.541.094	-
Thu nhập lãi cho vay	1.298.883.285	-

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2026 30/6/2025
VND VND
(Chưa soát xét)

Công ty Cổ phần VieOn

Mua thời lượng quảng cáo	7.557.077.850	-
Mua bản quyền	342.001.042	-
Cung cấp dịch vụ giới thiệu khách hàng	609.164.760	-
Bán bản quyền	300.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	13.000.000.000	-
Thu hồi lãi cho vay	150.657.535	-
Thu nhập lãi cho vay	341.347.946	-

Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L

Mua thời lượng quảng cáo	5.050.363.304	-
Mua bản quyền	4.791.816.841	-
Bán thời lượng quảng cáo	4.123.862.972	-
Bán bản quyền	196.987.500	-

Công ty Cổ phần Vie Digital

Mua thời lượng quảng cáo	8.032.336.838	-
Cổ tức đã nhận	10.369.686.736	-

Thù lao, lương thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

Ban Giám đốc

Lương thưởng và thù lao	7.644.288.000	7.481.748.812
-------------------------	---------------	---------------



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tập đoàn áp dụng Thông tư 99. Theo đó, một số số liệu thông tin so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	546.061.062.334	476.160.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	64.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	120.995.641.648	126.296.703.982
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	3.422.546.091	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	18.400.518.208	21.823.064.299

Ngày 7 tháng 8 năm 2026


Trương Thị An
Người lập


Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
Kế toán trưởng



Đào Văn Kính
Tổng Giám đốc

